Chi tiết mã HS 0507.10.00

Mã HS	0507.10.00
Mô tả hàng hóa	Ngà, mai động vật họ rùa, lược cá voi (phiến sừng hàm trên) và hàm răng lược cá voi, sừng, gạc, móng guốc, móng, vuốt và mỏ, chưa xử lý hoặc đã sơ chế nhưng chưa cắt thành hình; bột và phế liệu từ các sản phẩm trên / - Ngà; bột và phế liệu từ ngà
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 01:54:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/05071000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K951
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N951
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q951
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E939
ATIGA	2022	2022	0	AT!E940
ATIGA	2023	2023	0	AT!F940
ATIGA	2024	2024	0	AT!G940
ATIGA	2025	2025	0	AT!H940
ATIGA	2026	2026	0	AT!I940
ATIGA	2027	2027	0	AT!J940
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E942
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F942

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G942
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H942
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I942
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J942
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E944
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F944
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G944
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H944
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I944
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J944
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F946
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H941
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F942
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G942
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H942
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I942
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J942
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K942
VKFTA	2022	2022	0	VK!E940
VKFTA	2023	2023	0	VK!F940
VKFTA	2024	2024	0	VK!G940
VKFTA	2025	2025	0	VK!H940
VKFTA	2026	2026	0	VK!I940
VKFTA	2027	2027	0	VK!J940
VCFTA	2022	2022	0	VC!D951
VCFTA	2023	2023	0	VC!E951

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F951
VCFTA	2025	2025	0	VC!G951
VCFTA	2026	2026	0	VC!H951
VCFTA	2027	2027	0	VC!I951
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D948
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E948
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F948
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G948
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H948
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I948
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D957
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E957
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F957
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G957
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H957
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I957
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D941
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E941
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F941
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G941
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H941
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I941
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D943
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E943
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F943
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G943

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H943
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I943
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D941
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E941
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F941
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G941
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H941
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I941
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J941
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D944
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E944
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F944
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G944
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H944
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I944
RCEP B	2022	2022	0	B!D944
RCEP B	2023	2023	0	B!E944
RCEP B	2024	2024	0	B!F944
RCEP B	2025	2025	0	B!G944
RCEP B	2026	2026	0	B!H944
RCEP B	2027	2027	0	B!I944
RCEP C	2022	2022	0	C!D944
RCEP C	2023	2023	0	C!E944
RCEP C	2024	2024	0	C!F944
RCEP C	2025	2025	0	C!G944
RCEP C	2026	2026	0	C!H944

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I944
RCEP D	2022	2022	0	D!D944
RCEP D	2023	2023	0	D!E944
RCEP D	2024	2024	0	D!F944
RCEP D	2025	2025	0	D!G944
RCEP D	2026	2026	0	D!H944
RCEP D	2027	2027	0	D!I944
RCEP E	2022	2022	0	E!D944
RCEP E	2023	2023	0	E!E944
RCEP E	2024	2024	0	E!F944
RCEP E	2025	2025	0	E!G944
RCEP E	2026	2026	0	E!H944
RCEP E	2027	2027	0	E!I944
RCEP F	2022	2022	0	F!D944
RCEP F	2023	2023	0	F!E944
RCEP F	2024	2024	0	F!F944
RCEP F	2025	2025	0	F!G944
RCEP F	2026	2026	0	F!H944
RCEP F	2027	2027	0	F!I944
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F914
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G914
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H914
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I914

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0507.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 0507.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N951), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.